

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Gia Lai năm 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 06 năm 2006;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 04 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;

Căn cứ Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01 tháng 08 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2323/BTTTT-THH ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0; Kiến trúc Chính phủ điện tử/Kiến trúc Chính quyền điện tử bộ/tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 797/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc ban hành Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền điện tử/ Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Công văn số 2606/BTTTT-THH-ATTT ngày 15/7/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính phủ số/Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch năm 2021.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 164/TTr-STTTT ngày 29/12/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Gia Lai năm 2021.

Điều 2. Ban Chỉ đạo Xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Gia Lai; Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Gia Lai có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, báo cáo việc thực hiện Kế hoạch này của các đơn vị, địa phương thuộc tỉnh Gia Lai theo chức năng, nhiệm vụ quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Gia Lai và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ TT&TT (Báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Chỉ đạo xây dựng CQĐT của tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố ;
- Công thông tin điện tử của tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KT, NC, TTTH, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

KẾ HOẠCH

Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Gia Lai năm 2021

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)*

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 06 năm 2006;
- Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Luật An toàn thông tin mạng ngày 11 tháng 11 năm 2015;
- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 04 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;
- Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;
- Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;
- Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;
- Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;
- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;
- Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01 tháng 08 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025 và định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;
- Quyết định số 2323/BTTTT-THH ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0;
- Công văn số 2606/BTTTT-THH-ATTT ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính phủ số/Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch năm 2021;
- Chương trình số 03-Ctr/TU ngày 05/11/2020 của Tỉnh ủy Gia Lai về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Kế hoạch hành động số 648/KH-UBND ngày 29/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025;

Kế hoạch số 1901/KH-UBND ngày 14/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị;

Kế hoạch số 2415/KH-UBND ngày 03/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về Kế hoạch chuyển đổi số của tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung:

- Tiếp tục hoàn thiện các chủ trương, chính sách, cơ chế thúc đẩy việc phát triển công nghệ thông tin (CNTT) trên địa bàn tỉnh.
- Xây dựng các nền tảng, phát triển hạ tầng CNTT đồng bộ, ứng dụng CNTT sâu rộng, phát triển nguồn nhân lực CNTT, đảm bảo an toàn thông tin nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành, thúc đẩy cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp
- Đẩy mạnh xây dựng Chính quyền điện tử, xây dựng đô thị thông minh, cung cấp các dịch vụ công thiết yếu tạo động lực và điều kiện cho phát triển bền vững kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Tiếp tục ban hành các văn bản liên quan đến quản lý, sử dụng các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh; hoàn thiện khung pháp lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin theo hướng dẫn của Trung ương.
- Triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh Gia Lai (phiên bản 2.0).
 - Hoàn thiện nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) để kết nối với Trục liên thông văn bản quốc gia (NGSP) để kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh với các Cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư, Bảo hiểm, Đăng ký doanh nghiệp, liên thông các lĩnh vực trong thực hiện TTHC theo lộ trình và hướng dẫn của các Bộ, ngành.
 - Duy trì mạng diện rộng của tỉnh (WAN), sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng trong các cơ quan Đảng, Nhà nước làm hạ tầng truyền dẫn căn bản trong kết nối các hệ thống thông tin Chính quyền điện tử và liên thông, chia sẻ dữ liệu. Đảm bảo 100% cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh tới cấp xã kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.
 - Đảm bảo 20% số lượng người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống thông tin Chính quyền điện tử được xác thực định danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương (theo hướng dẫn của Trung ương).
 - Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của từng Sở, ngành, địa phương đạt từ 20% trở lên; cung cấp, tích hợp

tối thiểu 30% các dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 của các sở, ngành, địa phương trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh và tích hợp, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đảm bảo theo yêu cầu của Chính phủ, Văn phòng Chính phủ; 100% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện thông qua Hệ thống Một cửa điện tử liên thông của tỉnh.

- Cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh Gia Lai cung cấp giao diện cho các thiết bị di động; 100% dịch vụ công được hỗ trợ giải đáp thắc mắc cho người dân, doanh nghiệp; 100% cơ quan nhà nước công khai mức độ hài lòng của người dân khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến. 20% dịch vụ công trực tuyến sử dụng chữ ký số trên nền tảng di động để thực hiện thủ tục hành chính; 50% dịch vụ công trực tuyến xử lý bằng hồ sơ điện tử; 20% thông tin của người dân được tự động nhập vào biểu mẫu trực tuyến; 50% dịch vụ công trực tuyến (về lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp) sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp (theo kế hoạch kết nối, chia sẻ dữ liệu của Trung ương).

- Tất cả phần mềm Quản lý văn bản và điều hành của các sở, ban, ngành, địa phương được kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản của tỉnh để kết nối với Trục liên thông văn bản quốc gia phục vụ gửi, nhận văn bản điện tử; 95% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới dạng điện tử; tối thiểu 90% hồ sơ công việc tại các cơ quan cấp tỉnh, 70% hồ sơ công việc tại các cơ quan cấp huyện và 30% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

- Đảm bảo 100% công/trang thông tin điện tử các sở, ban, ngành, địa phương công khai thông tin đầy đủ theo các quy định của pháp luật và công khai tiến độ, kết quả xử lý hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết.

- Tối thiểu 30% báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh và quốc gia (theo kế hoạch triển khai của Trung ương).

- Ứng dụng CNTT để giảm từ 30% - 50% thời gian họp, giảm tối đa việc sử dụng tài liệu giấy trong hội họp, thông qua việc sử dụng, gửi, nhận tài liệu qua hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của tỉnh (eCabinet), hệ thống Quản lý văn bản và điều hành và các hệ thống thông tin điện tử phục vụ công việc.

- Đảm bảo an toàn thông tin trong hoạt động ứng dụng CNTT, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số tại các cơ quan, đơn vị; tất cả các hệ thống công nghệ thông tin dùng chung quan trọng của tỉnh được giám sát an toàn thông tin thường xuyên, liên tục và chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia.

- Tiếp tục duy trì và nâng xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Chính quyền điện tử của tỉnh Gia Lai, phấn đấu xếp hạng trong nhóm 30 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong cả nước.

III. NHIỆM VỤ CỤ THỂ:

1. Nâng cấp, bổ sung hạ tầng kỹ thuật Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh để đảm bảo phục vụ vận hành các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu; triển khai kế hoạch sao lưu dữ liệu (qua mạng) đối với các hệ thống thông tin quan trọng.

2. Duy trì hoạt động hiệu quả các hệ thống thông tin dùng chung; tiếp tục xây

dựng, phát triển các hệ thống thông tin các ngành, lĩnh vực theo Kiến trúc Chính quyền điện tử phiên bản 2.0: Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh; Hệ thống Thư điện tử công vụ; lưu trữ điện toán đám mây...

3. Rà soát, xây dựng danh mục các cơ sở dữ liệu của địa phương; số hóa tạo lập các cơ sở dữ liệu; triển khai các ứng dụng, dịch vụ, hệ thống công nghệ thông tin các ngành, lĩnh vực theo Kiến trúc Chính quyền điện tử phiên bản 2.0.

4. Kết nối các hệ thống thông tin, các cơ sở dữ liệu của địa phương có yêu cầu tích hợp, chia sẻ dữ liệu qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP). Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện các dịch vụ kết nối hệ thống LGSP của tỉnh với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP) và các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của Trung ương.

5. Tiếp tục đẩy mạnh, triển khai các giải pháp họp trực tuyến, họp không giấy (eCabinet), các hệ thống hỗ trợ làm việc từ xa của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh; tiếp tục mở rộng hệ thống Hội nghị truyền hình đến các xã chưa triển khai.

6. Tăng cường cung cấp các dịch vụ, ứng dụng hỗ trợ giao tiếp, tương tác giữa tổ chức, công dân với các cơ quan nhà nước; đẩy mạnh cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên Cổng dịch vụ công của tỉnh Gia Lai; đồng thời tích hợp cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia theo các yêu cầu của Chính phủ.

7. Tiếp tục triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin. Đầu tư cơ sở hạ tầng, xây dựng Trung tâm giám sát an toàn thông tin mạng tỉnh Gia Lai (SOC); kết hợp thuê dịch vụ giám sát, an toàn thông tin cho Chính quyền điện tử và đô thị thông minh của tỉnh.

8. Xây dựng Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh (IOC) tại thành phố Pleiku; xây dựng, phát triển nền tảng đô thị thông minh; triển khai các ứng dụng, dịch vụ đô thị thông minh theo Kế hoạch, Đề án được duyệt.

9. Rà soát, bổ sung các trang thiết bị công nghệ thông tin (máy tính, thiết bị mạng, thiết bị đầu cuối, thiết bị an toàn thông tin,...) để bảo đảm an toàn, an ninh mạng, nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin và phục vụ công tác chuyên môn tại các cơ quan, đơn vị.

10. Tiếp tục triển khai đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực công nghệ thông tin.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp:

- Các đơn vị, địa phương tăng cường phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí, hệ thống thông tin cơ sở để đẩy mạnh công tác tuyên truyền; ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng để góp phần nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận và tham gia vào các dịch vụ Chính quyền điện tử, Chính phủ số.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các trang thông tin điện tử các cơ quan, đơn vị; tăng cường cung cấp thông tin qua các ứng dụng, tiện ích tương tác giữa cơ

quan chính quyền và người dân, doanh nghiệp. Lồng ghép, gắn công tác tuyên truyền xây dựng Chính quyền điện tử, hướng tới Chính quyền số với tuyên truyền cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh của địa phương.

2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp:

- Tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích trong việc triển khai Chính quyền điện tử, hỗ trợ, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện các dịch vụ công trực tuyến.

- Vận dụng các cơ chế tài chính tạo điều kiện cho mọi loại hình doanh nghiệp công nghệ số nghiên cứu, đầu tư xây dựng các sản phẩm, dịch vụ phát triển Chính quyền số như: thuê dịch vụ, hợp tác theo hình thức đối tác công tư...

- Phối hợp, tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho các tổ chức, cá nhân nhằm triển khai các dịch vụ Chính quyền điện tử, Chính quyền số trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu số của các cơ quan nhà nước với cơ sở dữ liệu quốc gia; hoàn thiện, phát triển dữ liệu các ngành của tỉnh để sử dụng, chia sẻ, mở dữ liệu cho các cơ quan nhà nước, các tổ chức trong cả nước khai thác, sử dụng.

- Triển khai các nhiệm vụ để thực hiện để chuyển đổi số đối với các lĩnh vực đã xác định theo lộ trình tại Kế hoạch số 2415/KH-UBND ngày 03/12/2020.

3. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ:

- Lựa chọn ưu tiên, đẩy mạnh phong trào nghiên cứu một số công nghệ cốt lõi có khả năng tạo bước phá vỡ mạnh mẽ như trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (blockchain), dữ liệu lớn (Bigdata) và thực tế ảo/thực tế tăng cường (VR/AR), tạo điều kiện ứng dụng các công nghệ số tiên tiến trong triển khai Chính quyền số.

- Ưu tiên sử dụng các sản phẩm, giải pháp, công nghệ “make in Việt Nam” trong các hệ thống Chính quyền số của tỉnh.

4. Thu hút nguồn lực CNTT:

Triển khai, cụ thể hóa các quy định của Trung ương thành các cơ chế, chính sách của tỉnh nhằm thu hút, đa dạng hoá nguồn lực để phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng, nhất là đối với chủ trương thuê dịch vụ.

5. Tăng cường hợp tác:

- Chủ động hợp tác với các địa phương khác trong cả nước, tích cực phối hợp với các địa phương đã ký kết hợp tác về lĩnh vực phát triển Chính phủ số, Chính quyền số.

- Nghiên cứu, học tập kinh nghiệm về xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số của một số các tỉnh, thành trong cả nước.

6. Một số giải pháp khác:

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá, xếp hạng mức độ Chính quyền điện tử của các đơn vị, địa phương hằng năm; lồng ghép các đánh giá về ứng dụng công nghệ thông tin vào các đợt kiểm tra đánh giá về cải cách hành chính của tỉnh.

- Về nâng cao và chuyển đổi nhận thức:

- + Người đứng đầu tại các sở, ban, ngành, địa phương chịu trách nhiệm

trực tiếp, truyền cảm hứng về chuyển đổi số trong cơ quan, tổ chức, ngành, lĩnh vực, địa bàn mình phụ trách. Tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, người dân và doanh nghiệp về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với các chương trình, kế hoạch hành động, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của các cấp, các ngành.

+ Xây dựng lề lối, phương thức làm việc ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, trong tác nghiệp, sử dụng dữ liệu số triệt để, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn.

- Tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn ứng dụng CNTT một cách đồng bộ, tiết kiệm, hiệu quả, phục vụ cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh, xây dựng Chính quyền điện tử tiến tới Chính quyền số.

- Về kinh phí cho đảm bảo an toàn thông tin: Bảo đảm tỷ lệ kinh phí chi cho các sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng đạt tối thiểu 10% trong tổng kinh phí triển khai kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm, giai đoạn 5 năm và các dự án công nghệ thông tin.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch bao gồm: Nguồn vốn từ ngân sách Trung ương (hỗ trợ, bổ sung có mục tiêu; qua các chương trình, dự án triển khai đến các địa phương); Ngân sách địa phương (đầu tư công và vốn sự nghiệp hàng năm); các nguồn kinh phí hợp pháp khác (hợp tác với doanh nghiệp, xã hội hóa...).

2. Kinh phí cụ thể cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Kế hoạch này, các đơn vị, địa phương chủ trì thực hiện có trách nhiệm tổ chức triển khai, đánh giá cụ thể về hiện trạng, xây dựng dự toán kinh phí phù hợp với các nhiệm vụ theo các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư công và quản lý ngân sách nhà nước.

VI. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

Chi tiết các nhiệm vụ, dự án tại Phụ lục kèm theo.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Chủ trì, tham mưu UBND tỉnh, Ban chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử của tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch; hướng dẫn, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan để tổ chức thực hiện. Chủ trì việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp báo cáo với các cấp có thẩm quyền về kết quả thực hiện các nội dung trong Kế hoạch này.

- Căn cứ Kế hoạch này, phối hợp với các đơn vị, địa phương tham mưu UBND tỉnh ban hành đề xuất bổ sung, điều chỉnh các dự án, nhiệm vụ CNTT nhằm đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển và thực tế tại địa phương.

- Đôn đốc, hỗ trợ việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, dự án theo kế hoạch; kịp thời báo cáo UBND tỉnh xử lý, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các đơn vị, địa phương liên quan xây dựng kế hoạch kinh phí về ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước năm 2021, trình cấp thẩm quyền phê duyệt. Đồng thời hướng dẫn, cho ý kiến, thẩm định về các nội dung chuyên môn đối với các dự án, nhiệm vụ triển khai.

- Tham mưu UBND tỉnh xây dựng các chương trình, chính sách thúc đẩy ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin; nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức đánh giá hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, mức độ chính quyền điện tử tại các đơn vị, địa phương và tham mưu UBND tỉnh xếp hạng năm 2021.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước. Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tin đại chúng tăng cường tuyên, phổ biến, nâng cao nhận thức, kiến thức về CNTT trong xã hội.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính và các đơn vị, địa phương tham mưu bố trí vốn đầu tư cho các chương trình, dự án CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước theo các quy định về đầu tư công để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp xây dựng Chính quyền điện tử.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đôn đốc các cơ quan, đơn vị triển khai kế hoạch, dự án đảm bảo đúng tiến độ; gắn kết hoạt động ứng dụng CNTT với các nhiệm vụ nâng cao năng lực cạnh tranh của địa phương.

3. Sở Tài chính:

- Trên cơ sở dự toán của các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì triển khai các nhiệm vụ, Sở Tài chính tổng hợp, cân đối kinh phí theo khả năng đảm bảo của ngân sách năm 2021 để tham mưu, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo đúng quy định.

- Đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị, địa phương quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đã được bố trí để triển khai các nhiệm vụ theo đúng quy định.

4. Sở Nội vụ:

- Chủ trì phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh tổ chức xây dựng và thực hiện các giải pháp nhằm kết hợp chặt chẽ việc triển khai Kế hoạch này với các chương trình, kế hoạch cải cách hành chính.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ CNTT cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị.

5. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh:

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan triển khai các nhiệm vụ đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin liên quan đến lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, chế độ thông tin báo cáo, giải quyết phản ánh kiến nghị và các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của Chính phủ.

6. Sở Khoa học và Công nghệ:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên

quan xây dựng cơ chế, chính sách, giải pháp tạo điều kiện thuận lợi cho việc ứng dụng, phát triển CNTT trong nghiên cứu các đề tài khoa học, phát triển sản phẩm CNTT phục vụ Chính quyền điện tử, Chính quyền số của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông ứng dụng CNTT trong việc áp dụng hệ thống điện tử trong quản lý hành chính theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 1900:2015 trên địa bàn tỉnh (ISO điện tử).

7. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

- Chủ động tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này, đảm bảo thực hiện tốt các mục tiêu đã đặt ra.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan xây dựng, tổ chức thực hiện các Kế hoạch ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động đơn vị, địa phương hằng năm, đảm bảo phù hợp với kế hoạch của tỉnh; đồng thời thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất khi có yêu cầu.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chủ động cân đối, bố trí kinh phí hằng năm cho các nhiệm vụ, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin thuộc nhiệm vụ chi của địa phương theo quy định.

- Người đứng đầu cơ quan, Thủ trưởng các đơn vị quan tâm, quyết liệt chỉ đạo hơn nữa việc ứng dụng CNTT trong thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, gắn việc ứng dụng CNTT với thực hiện cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh địa phương.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin và Truyền thông trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ, dự án, đảm bảo đồng bộ, huy hiệu quả, đúng quy định và phù hợp theo Kiến trúc Chính quyền điện tử phiên bản 2.0 của tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Gia Lai, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2021; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện./.